

HÀNH HƯƠNG ĐẤT PHẬT.

(A PILGRIMAGE TO THE LAND OF BUDDHA).

10. LUMBINI (VƯỜN LÂM TỶ NI).

Nguyễn Xuân Quang.



Lưu ý: hình chim hạc cho biết Lumbini là đất nung nấu của một loài chim hạc.

*

Chúng tôi rời Kushinagar hướng về Lumbini, Nepal nơi Đức Phật ra đời, một trong bốn Phật tích thiêng liêng, được coi như là một Mecca của Phật giáo. Mỗi năm có tới trên dưới hai triệu người viếng thăm. Thời gian lái xe khoảng 4 tiếng rưỡi đồng hồ.



Welcome to Nepal (ảnh của tác giả).



Biên giới Nepal và Ấn Độ (ảnh của tác giả).

Qua biên giới không mấy khó khăn, rất thoải mái và nhanh (Nepal cần du khách tới mặc dù Nepal và Ấn Độ hiện nay kinh chống nhau vì Nepal đang bị Mao hóa và Trung Quốc là thù nghịch của Ấn Độ). Vào đất Nepal là thấy ngay Nepal là quê hương của Phật Thích Ca qua khoảng giữa hai chiều đường đi có những tượng Phật.



(ảnh của tác giả).

Buổi trưa tới khách sạn Hokke của Nhật nghỉ và ăn trưa.



Người gác đạn chào kính đón tiếp du khách tới (ảnh của tác giả).

Khách sạn có kiến trúc tháp Phật có trục thế giới hình trụ ống tròn mang hình ảnh Trụ Ashoka.



(ảnh của tác giả).

Sở dĩ Trụ Ashoka quan trọng ở Lumbini vì nhờ nó mà khám phá ra lại nơi Đức Phật sinh ra (xem dưới). Trong đại sảnh tiếp tân cũng treo một bức ảnh Hoàng đế Ashoka.



(ảnh của tác giả).

Ashoka dịch thoát nghĩa là A-dục (A: không như á khẩu là không nói được và Dục là ham muốn: A-dục là không còn ham muốn nên không còn sầu lo, khổ sở). Ashoka (Phạn ngữ *Ásoka*, Pali *Asoka*: có A; không, -soka: sầu khổ). *Asoka* là không còn sầu lo, khổ đau nên dịch đúng nghĩa là Vô Ưu. Vì vậy cây Ashoka gọi là cây Vô Ưu (sorrow-less tree).

Ashoka là một vị vua thuộc Đế quốc Maurya, Bắc Ấn Độ. Sau một cuộc chiến tẩm máu '*đống xương vô định đã cao bằng đầu*' và *máu chảy thành sông* ông thống lĩnh một vùng rộng lớn trở thành Hoàng đế một đế quốc vĩ đại. Một lần nghe Phật pháp rồi tỉnh ngộ ông trở thành một Hoàng đế mộ đạo Phật hết lòng và quyết định biến đế quốc của mình

thành một đế quốc phụng sự Phật giáo. Ông đi khắp đế quốc mình phát huy Phật giáo, bảo vệ chính pháp Phật. Những nơi ông đi qua thăm nhất là các di tích Phật ông đều cho xây dựng các trụ và đền đài tưởng niệm gọi là Trụ Ashoka và tảng đá mệnh lệnh Ashoka...

Con trai ông là Mahinda cũng góp phần rất nhiều trong việc truyền bá đạo Phật, nhất là ở Tích Lan (ông này mang một nhánh Bồ-đề từ Bồ Đề Đạo Tràng đem xuống trồng ở Tích Lan. Nhờ vậy mà khi cây Bồ-đề nguyên thủy ở Bồ Đề Đạo Tràng bị hủy diệt, lấy lại một nhánh từ cây con ở Tích Lan đem về trồng thành cây hiện nay... (-soka ~ sầu khổ).

Tại Lumbini này, nơi sinh của Đức Phật, vua Ashoka cũng cho trồng những trụ Ashoka đánh dấu... Vì vậy khách sạn này làm có kiến trúc Trụ Ashoka và trưng ảnh của ông ở đại sảnh tiếp tân.

Phòng ốc khách sạn kiểu Nhật, kang trang, ngăn nắp, sạch sẽ, mát mẻ, thanh tịnh. Bữa ăn trưa dĩ nhiên có nhiều món ăn Nhật Bản chay và mặn.



Mì xào, canh tương (Miso súp), rau xào, rau quả tẩm bột chiên tempura... khăn ăn xếp thành áo sơ mi... (ảnh của tác giả).

Hai giờ chiều chúng tôi lên đường đi thăm tỉnh và Vườn Lâm Tỳ Ni.

1. Tổng Quát

Lumbini ngày nay nằm phía nam của Nepal, gần biên giới Ấn Độ.



Ngày xưa có thể thuộc về Tiểu quốc dòng Sakya của Tịnh Phạn Vương, gồm chín quận có thủ đô là Ca-tì-la-vệ. Vua Tịnh Phạn lấy hai chị em Maya và Pajapati ở quận Devadaha. Maya chính là Hoàng hậu sinh ra Thái tử Tất Đạt Đa và Pajapati là dì kế mẫu. Như đã biết kế mẫu Pajapati sau này trở thành ni trưởng thành lập ni đoàn đầu tiên tại Vaishali.

Một ngày trong khoảng tháng 5 năm 563 Trước Dương Lịch, Hoàng hậu Maya thấy gần ngày sinh, bà xin về quê Devadaha để sinh con đầu lòng theo tục lệ ngày đó (tục này cũng thấy ở một vài vùng Việt Nam). Khi tới một khu Vườn Xinh Đẹp như ở cõi tiên thiên có tên là Lâm Tỳ Ni (“Lovely”) tại phân khu Rupandehi dưới chân núi Himalaya, cách kinh đô chừng 25 km, bà dừng chân nghỉ ngơi. Khi đang nínu cảnh hoa sala (tha-la, ta-la) thì hạ sinh Đức Phật.

Sanh được bảy ngày thì Hoàng hậu Maya mất. Dì Pajapati trở thành vú nuôi thái tử (lúc ấy Pajapati đang có con còn bú và đã nhờ người khác làm vú em nuôi con mình).

Lumbini nơi Đức Phật hạ sanh cách đây 2.563 năm nhưng Lumbini đã có một thời bị chìm vào lãng quên sau khi dòng Sakya bị diệt vong.

2. Vài Dòng Lịch Sử.

-Thế Kỷ Thứ 5 Trước Dương Lịch.

Thái tử Tất Đạt Đa Siddhartha Gautama ra đời.

-Thế Kỷ Thứ 3 Trước Dương Lịch.

Hoàng đế Ashoka dựng trụ cột xác thực Lumbini là nơi Phật Thích Ca ra đời.

-Thế Kỷ Thứ 5 và thứ 7 Sau Dương Lịch.

Thầy Pháp Hiển và Huyền Trang hành hương tới Lumbini và có ghi lại trong du ký. Nhờ ghi ký này nơi đây được khám phá ra vào năm 1896.

-Thế Kỷ Thứ 14 Sau Dương Lịch.

Vua nước Jumla là Ripu Malla, một vị vua Ấn giáo, thuộc miền Tây Nepal đến đây thăm viếng và cho khắc lên phần trên của Trụ Ashoka dòng chữ “*Om Mani Padme Hum*” (*Úm ma ni bát mê hồng*, “ngọc quý trong hoa sen”) cùng với tên ông để tỏ lòng tôn kính nơi Đức Phật ra đời.

Năm 1896.

Nhà cầm quyền Anh khám phá ra lại Lumbini.

Năm 1967.

Tổng Thư Ký Liên Hiệp Quốc U Thant người Myanmar tới thăm Lumbini và kêu gọi thế giới hợp tác phát triển nơi Đức Phật ra đời này.

Năm 1972.

Kiến trúc sư Nhật Bản nổi tiếng Kenzo Tange được chỉ định làm dự án chính (“master plan”) cho Lumbini và được hoàn tất vào năm 1978.

Năm 1979.

Lumbini trở thành Địa Danh Di Sản Thế Giới UNESCO.

3. Quần Thể Tổng Quát Lâm Tỳ Ni.

Quần thể tổng quát Lâm Tỳ Ni trải ra một vùng rộng 1 x 3 dặm vuông theo trục nam-bắc dựa trên ý niệm của con đường Giác Ngộ và chia ra làm ba vùng:



a. Vườn Thiêng Liêng (Sacred Garden).

Vườn này là điểm trọng tâm gồm nơi sinh Đức Phật, các đền đài khảo cổ học và tâm linh quan trọng như Đền Đại Thần Nữ Maya (Mahamayadevi Temple), Trụ Ashoka, Tầng Đá Đánh Dấu Chỗ Đức Phật Sinh, Điều khắc Dẫn Sinh, Hồ thiêng Puskarani, các cấu trúc phế tích của tháp Phật và tu viện khác.

b. Vùng tu viện

Vùng tu viện trải rộng một vùng 1 dặm vuông và chia ra làm hai khu: Vùng tu viện và tháp chùa phía Đông: gồm các phái nguyên thủy Theravada: Thailand, Myanmar, Cambodia & Mahabodhi Ấn Độ, Kolkata & Gautami Nunnery từ Nepal. Vùng phía Tây gồm phái Đại Thừa: Korea, China, Germany, Canada, Austria, Việt Nam (Chùa An Việt Nam Phật Quốc Tự), Ladakh và Nepal.

Dĩ nhiên phái Kim Cương Thừa cũng có mặt. Mỗi quốc gia đều thiết kế mang màu sắc đặc thù, độc đáo về lịch sử, văn hóa và tâm linh của mình.

c. Trung Tâm Văn Hóa và Làng Lumbini Mới.

Gồm Bảo Tàng Viện Lumbini, Viện Nghiên Cứu Thế Giới Lumbini, Chùa Hòa Bình Thế Giới Nhật Bản, Nơi Trú Thân của chim Hạc, văn phòng hành chánh, khách sạn, khu nhân viên địa phương, thác nước, trường học v.v...

4. Thăm Viếng Các Địa Điểm Chính.

Khách hành hương vì thiếu thì giờ thường chú tâm tới thăm vùng Vườn Thiêng Liêng chính yếu là nơi Đức Phật ra đời.

Để tiếp cận Khu Vườn Thiêng Liêng này chúng tôi đi qua Công Viên Lumbini.

Công Viên Lumbini.

Đây là một kiến trúc nổi tiếng của kiến trúc sư Nhật Kenzo Tange khởi công xây dựng từ năm 1978.

Ở giữa là một con kênh dài. Một đầu kênh là Đền Maya Devi. Đầu này có ngọn lửa tượng trưng hòa bình vĩnh cửu và ở đầu kia có Chùa Hòa Bình Thế Giới.



Kênh Kenzo Tange tại Lumbini một đầu có ngọn lửa hòa bình vĩnh cửu và đầu đằng kia là Chùa Hòa Bình Thế Giới (ảnh của tác giả).

Như đã nói ở trên bên bờ Tây con kênh là các chùa thuộc các quốc gia theo Phật giáo Đại thừa (trong đó có chùa Việt Nam). Bên bờ Đông con kênh là các chùa thuộc các quốc gia theo Phật giáo Nguyên thủy (Tiểu thừa cũ). Ở khoảng giữa có các chùa phái Kim Cương thừa.

Vào công viên Lumbini, chúng ta gặp chủ thể chính là tượng Phật sơ sinh mạ vàng do Thái Lan tặng.



(ảnh của tác giả).

A. KHU VƯỜN THIÊNG LIÊNG.

-Đền Thờ Hoàng Hậu Maya.

Đền thờ Hoàng hậu Maya hay Mahamayadevi (Đại Thần Nữ Maya).



Đền thờ Hoàng hậu Maya Devi phản chiếu trên mặt Hồ Thiêng.

Lưu ý hôm nay tới thăm nơi Đức Phật Thích Ca ra đời tác giả mặc áo lá chữ T có hình con voi trắng mua ở Tích Lan (Sri Lanka).

Bằng chứng khảo cổ học lớn nhất và kiên cố nhất là sự hiện diện của Trụ Ashoka ở tại chính điểm này với các hàng chữ xác thực điểm này là chỗ sinh của Thái tử Siddhartha (xem dưới).

Đền Maya Devi trông rất khác lạ. Đền là một tòa nhà chữ nhật mái bằng ở chính giữa có tháp trụ vuông trên có chóp cây vũ trụ (cây tam thế, cây đời sống). Như đã biết một kiến trúc Phật giáo có mái bằng mang hình ảnh một dạng một tu viện vihara trong khi đền chùa thờ phượng chaitya có mái hình tháp vòm vũ trụ.

Vì vậy thật sự đền này có dạng hỗn hợp vừa là đền thờ thần nữ Maya vừa là một tu viện. Phần hình chữ nhật bao quanh bốn phía bên ngoài với kiến trúc mái bằng giản dị là một thứ tu viện mới xây có mục đích chủ yếu vây kín và che lại một phế tích tu viện xưa khỏi bị mưa nắng. Đi vào trong bằng một lối sần gỗ đi vòng quanh phế tích tu viện xưa. Bây giờ chỉ còn thấy các khối gạch to xếp thành các phòng tu xá hình hộp.

Phần hình tháp trụ vuông bằng đầu trên có chỏm tháp hình cây vũ trụ ở



trung tâm mới đích thực là đền thờ Hoàng hậu Maya. Như đã biết các kiến trúc thờ phượng thần nữ ngành thái dương thường có tháp trụ vuông bằng đầu (hình vuông là dạng thái dương của vòng tròn). Đại Thần nữ Maya (Mahamayadevi) là một thứ nữ vương dòng mặt trời thái dương, một Thần Nữ nên có tháp trụ vuông bằng đầu.

Lưu Ý

Xin nhắc lại các kiến trúc thờ các thần dương nữ ngành mặt trời thái dương có tháp vuông bằng đầu mang tính dương nữ thái dương. Ví dụ như các tháp vuông bằng đầu của Vương Cung Thánh Đường thờ Đức Mẹ Maria như phế tích nhà thờ Đức Mẹ La Vang ở Hải Lăng, Quảng



Trị: , nhà thờ Notre Dame Paris, Nice, Saigon nguyên thủy ngày xưa (trước năm 1895):



Từ trái qua là các nhà thờ Đức Bà ở Paris, ở Nice, ở Sài Gòn tháp có trụ vuông bằng đầu (<https://baoxaydung.com.vn/nha-tho-duc-ba-chuyen-it-biet-ve-3-lan-trung-tu-153437.html>).

(ngày nay nhà thờ Đức Bà Saigon sửa lại thành hai tháp nhọn là sai).

Các tháp ngành âm Vishnu Ấn giáo như Tháp Đôi Qui Nhơn cũng có trụ



tháp vuông bằng đá u ...

Qua kiến trúc thờ phượng các thần nữ ngành thái dương ta thấy rõ Đức Bà, Nữ Vương Maria có một khuôn mặt tương đương với Đại Thần Nữ Maya.

Phần đền thờ Hoàng hậu Maya này làm ngay trên chỗ Phật Thích Ca ra đời.

Trong đền lưu giữ những di tích từ thời Đức Phật. Phần lớn phế tích này có từ thời Gupta tức vào thế kỷ thứ 5-6 Sau Dương Lịch.

Vào khoảng đầu năm 1990 một tảng đá đánh dấu (marker stone) chỗ sinh ra đời của Phật Thích Ca được tìm thấy ngay tại chỗ đền thờ này. Tảng đá có hình lõm trông giống hình chân người. Hiện giờ được bảo vệ đặt trong một hộp có mặt kính chống đạn (bulletproof). Vì không được phép chụp hình bên trong đền nên xin mượn một hai hình có sẵn làm minh họa.



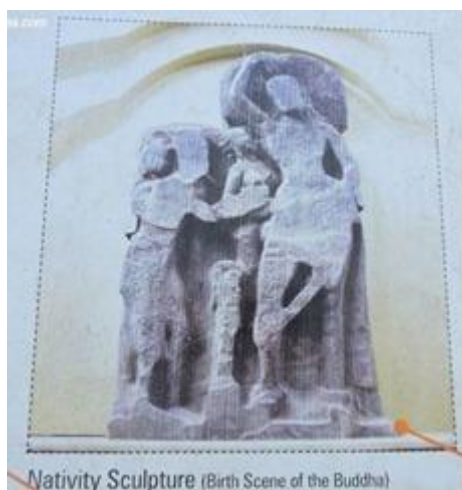
Tảng đá có hình dấu chân người đánh dấu chính xác chỗ Phật sinh ra đời (marker stone, the exact birthplace of Buddha) (nguồn: wikimedia commons.)

Dĩ nhiên các Phật tử sùng đạo cho rằng đây chính là dấu chân Phật.

Ở một hình khắc tảng đá này trông giống hình đầu con voi trắng có vòi cong lên:



Ngay trên vách chỗ tảng đá đánh dấu nơi sinh Đức Phật có một phiến đá khắc nổi hình một người nữ đang giơ tay níu cành hoa, một em bé đang đứng thẳng, có hai người hầu đứng cạnh. Đây là cảnh Hoàng hậu Maya hạ sinh thái tử. Các nhà khảo cổ gọi là Điêu Khắc Đản Sinh (The Nativity Sculpture).



Điêu khắc này có tuổi vào thế kỷ thứ 4 Sau Dương Lịch.

Tảng đá đánh dấu và phiến đá điêu khắc này không những xác quyết nơi sinh của Phật Thích Ca mà còn đóng góp vào sự xác thực ý nghĩa của các truyền thuyết, hình tượng về cốt cách, bản thể của Đức Phật Thích Ca.

Một Vài Yếu Tố Liên Hệ Với Phật Đản Sinh.

Xin thật vắn tắt kể ra một vài ví dụ. .

* Trước hết xác thực ý nghĩa của các truyền thuyết, hình tượng.

+ Truyền thuyết.

-Con Voi Sáu Ngà

Theo một truyền thuyết Phật giáo Tây Tạng, Hoàng hậu Maya nằm mơ thấy có bốn người nhà trời đem bà tới tắm tại một hồ nước thiêng ở Himalaya. Khi tắm xong, nghỉ ở bờ hồ, bỗng một con voi trắng sáu ngà từ một đỉnh núi tuyết trắng trên cao bay xà xuống. Voi nắm bằng vòi một đóa hoa sen trắng, đi vòng quanh ba vòng rồi nhập vào người bà. Sau đó bà có thai Phật Tổ.

Trước hết tại sao là con voi trắng?

Con voi có một khuôn mặt biểu tượng cho *vĩ đại thiêng liêng*, màu trắng có một nghĩa là màu âm thái dương (khí, gió, bầu trời, không gian dương, Vũ của vũ trụ). Ở đây con voi trắng có một khuôn mặt mang hình ảnh núi tuyết vũ trụ Meru/Kailas. Con voi trắng vũ trụ là một tiền kiếp Phật.

Kiểm chứng lại trong Ấn giáo Thần Indra có một khuôn mặt biểu tượng cho bầu trời có biểu tượng là con voi trắng và liên kết với núi Meru.



Tượng thần Indra cưỡi voi của Campuchia, Bayon, Angkor Thom, thế kỷ 12-13 chụp tại Bảo Tàng Viện Lịch Sử Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam (ảnh của tác giả).

Lưu ý Thần ở trong tháp vòm mây bay gió cuốn bầu vũ trụ, bầu trời.

Tại sao có 6 ngà?

Theo dịch số 6 là số là số thành diễn đạt sự hoàn tất chu kỳ vũ trụ tạo sinh (6 = 2 lưỡng nghi + 4 tứ tượng, sinh ra tam thế, vũ trụ).

Ta thấy rõ sáu ngà voi bao gồm đủ nghĩa cả qui trình vũ trụ tạo sinh của vũ trụ giáo. Phật có bản thể bao trọn cả đại vũ trụ và tiểu vũ trụ. Phật Thích Ca có một khuôn mặt đội lốt Phật Vũ Trụ Vairocana.

Con voi trắng 6 ngà tiền thân Đức Phật và cũng mang hình ảnh Núi Vũ Trụ Meru/Kailas nhập vào ngời Hoàng hậu.

Con voi trắng 6 ngà là cốt Phật Thích Ca thấy rõ qua truyện tiền kiếp Phật (jataka) là con Voi Sáu Ngà Saddanta.

Tiền kiếp Phật là một Bồ Tát sinh ra ở dạng một con Voi Sáu Ngà làm vua ở một xứ nọ có hai hoàng hậu là Mahasubhadda và Chullasubhadda. Một hôm đùa giỡn với hai hoàng hậu. Vua Voi Sáu Ngà rung cây làm rụng hoa lá lên người hai hoàng hậu. Phấn hoa bám bẩn người hoàng hậu Chullasubhadda và bà ghen tuông cho rằng vua cố ý ghét mình nên bỏ đi và rồi chết trong rừng. Bà hóa kiếp thành hoàng hậu một vua tại xứ Benares và vẫn oán hận Vua Voi Sáu Ngà, nên xúi vị vua này tìm cách nhỏ lấy sáu ngà của Shaddanta. Vua Benares sai một vị tướng giả dạng một tu sĩ đến đào hố bẫy. Voi Sáu Ngà rơi xuống hố bẫy, thấy ông ta mặc áo tu sĩ nên cúi đầu khuất phục chịu chết. Vị tướng thấy vậy nói với Voi là chỉ cần có được sáu chiếc ngà chứ không muốn giết voi. Voi bèn tự cắt sáu ngà đưa cho vị tướng vì lòng từ bi, độ lượng. Nhưng khi hoàng hậu có tiền kiếp là Chullasubhadda thấy sáu chiếc ngà bà chết dần trong sầu khổ...

Như thế Hoàng hậu Maya sinh ra Phật Tổ có cốt vũ trụ. Phật là vũ trụ.

Đây là lý do hôm nay tới thăm nơi đức Phật ra đời tôi mặc chiếc áo lá chữ T có hình con voi trắng mua ở đất Phật Sri Lanka.

-Hoàng hậu Maya, như đã nói ở trên khi đang níu một cành hoa bước đi thì hạ sinh Đức Phật.

Trong nhiều văn bản Ấn Độ cổ và Việt Nam hiện nay nói đó là cây Ashoka Vô Ưu (Saraca asoca).



Cây vô ưu Ashoka chụp tại Vườn Trúc Lâm (ảnh của tác giả).



Hoa cây Vô Ưu Ashoka (nguồn: Wikipedia).

Nhưng ngược lại có nhiều văn bản lại cho đó là cây sala (ta la, tha la) (*Shorea robusta*).



Cây Sala với lá non với nụ hoa tại Jayanti trong khu bảo tồn Buxa ở huyện Jalpaiguri, Tây Bangal, Ấn Độ (nguồn: Wikipedia tiếng Việt).

Cây trên phiến đá điêu khắc ở vườn này (hình ở trên) không rõ trắng đen là cây gì nhưng lá nhỏ thon trông giống cây sala.

Một điểm quan trọng là cây sala thường bị nhầm lẫn với cây đầu lân (ngọc kỳ lân, hàm rồng) (*Couroupita Guianensis*), một loài cây từ vùng nhiệt đới Nam Mỹ (Guianensis là xứ Guyana). Ở Ấn Độ, cây đầu lân đã được trồng tại các đền thờ Shiva và được gọi là Shiv Kamal, Nagakeshar hoặc Nagalingam vì hoa của nó được cho là giống mũ trùm đầu của thần rắn Naga bảo vệ thần Shiva. Quả trông giống viên đạn súng cà nông xưa nên người Anh gọi là cây cannonball tree (người Tàu dịch là Pháo đạn thụ).

Sự lầm lẫn cây sala với cây đầu lân có thể đã xảy ra từ xa xưa như thấy qua một **tấm điêu khắc trông như Hoàng hậu Maya đang đỡ một nụ hoa hay một quả đầu lân**:



Hoàng hậu Maya đang đỡ một nụ hoa hay một quả đầu lân (bưu ảnh).

Sự lầm lẫn này ngày nay thấy rất nhiều ở Á châu và Việt Nam. Ví dụ:



Hai cây đầu lân (cannonball tree) ở hai đầu một bệ xi-măng dẫn đạt cảnh Đức Phật nhập diệt ở Kushinagar, chụp tại Chùa Thiên Mụ Huế. Đây là một ví dụ lầm lẫn giữa cây sala ta-la với cây đầu lân “đạn cà nông” (ảnh của tác giả).

Như vậy có ba loại cây khác nhau: cây vô ưu Ashoka, cây sala (ta-la, tha-la) và cây đầu lân (cannonball tree). Hai cây sala và đầu lân thường làm lẫn với nhau.

Nếu Hoàng hậu níu cành hoa vô ưu thì sinh ra một đấng thế tôn giúp cho loài người theo con đường trung đạo giác ngộ qua vô thường, vô ngã đạt tới vô ưu không còn đau khổ.

Còn nếu là Hoàng hậu Maya níu cành cây sala ta-la thì như đã biết Đức Phật khi nhập diệt cũng nằm giữa hai cây sala trong rừng cây sala ở Kushinaga (lúc đó bỗng rụng các cây sala nở rộ hoa trắng rơi xuống phủ lên người Đức Phật). Cây sala là biểu tượng vòng sinh tử của Đức Phật. Cây sala cũng giống như những cây thiêng liêng khác có một khuôn mặt biểu tượng cây vũ trụ (cây tam thế, cây đời sống), biểu tượng vũ trụ tạo sinh, chu kỳ sinh tạo vũ trụ, tạo hóa.

-Hoàng hậu Maya bước 25 bước thì sinh ra thái tử.

Số 25 là số Chấn IOO (dương I thái âm OO) tầng 4 (1, 9, 17, 25) lưỡng hợp Càn III (dương I thái dương II) dạng đại vũ trụ.

Hai mươi năm bước lưỡng hợp đại vũ trụ cũng xác thực cốt đại vũ trụ của Đức Phật Thích Ca.

-Tảng đá điêu khắc cũng cho thấy rõ truyền thuyết Đức Phật Thích Ca sinh ra từ nách.

Tại sao sinh ra từ nách? Theo vũ trụ giáo con người là tiểu vũ trụ con của đại vũ trụ nên có hình cây vũ trụ. Đầu là chỏm cây là thượng thế. Hai tay dang ra là cành cây là trung thế, thế gian. Chân là gốc cây là hạ thế. Thân là thân cây là trục thế giới thông thương tam thế. Phật sinh ra ở nách là giáng thế, xuống cõi thế gian.

Đây có thể chỉ là huyền thoại cho thấy Đức Phật là một người siêu phàm có cốt vũ trụ giáng thế, xuống thế gian (huyền thoại nhiều khi không phải là có thật nhưng huyền thoại là một cách dùng để tôn vinh, tôn thờ, để truyền đạt, chuyên chở một đức tin, một triết thuyết, để giảng giải, giáo huấn tu sinh, giới bình dân cho dễ hiểu, dễ nhớ...).

-Bảy bước trên 7 hoa sen.

Vừa mới sinh ra, Đức Phật bước 7 bước trên 7 bầy hoa sen. Như đã biết số 7 là số Càn, lửa vũ trụ, dương thái dương và hoa sen là hoa mọc dưới nước có một nghĩa là âm thái âm Khôn. Bảy bước trên hoa sen là bảy bước Càn Khôn, Vũ Trụ. Điểm này cũng xác thực khuôn mặt của Phật Thích Ca có cốt là Phật Vũ Trụ giáng thế.

-Tướng Phật.

Ba ngày sau khi thái tử ra đời hoàng cung mời đạo sĩ A-tư-đà đến xem tướng cho thái tử. Hai ngày sau đó một toán 8 vị Bà-la-môn tới làm lễ đặt tên. Trong đoàn có một vị trẻ nhất là A-nhã Kiền-trần-như (tiếng Nam Phạn *Añña Koṇḍañña*) nhưng cực kỳ thông tuệ. Tất cả các đạo sĩ Bà-la-môn sau khi quan sát tướng mạo đặc biệt của thái tử, đều cho rằng sau này thái tử sẽ trở thành một vị Vua chuyển bánh xe quyền thế cai trị thế giới (*cakravarti-rajā*). Chỉ riêng Kiền-trần-như quả quyết rằng thái tử sẽ hoàn toàn thoát tục và trở thành một bậc giác ngộ (*bodhi*) vĩ đại. Tương truyền tên Tất-đạt-đa là do Kiền-trần-như và 4 đạo sĩ Bà-la-môn khác đặt. Vì thế, về sau, khi nghe tin thái tử Tất-đạt-đa đang tu khổ hạnh, Kiền-trần-như cùng 4 đạo sĩ trên đã tìm đến để cùng tu tập. Nhưng khi thái tử quyết định từ bỏ phép tu khổ hạnh cực đoan để chuyển qua Trung đạo dùng thiền định thì Kiền Trần Như cùng với 4 người bạn thất vọng bỏ đi. Họ đi tới vườn Nai (Lộc Uyển). Khi Đức Phật đắc đạo ngài tìm đến với họ tại vườn Nai. Đức Phật lần lượt giảng cho năm anh em Kiền Trần Như ba bài kinh pháp đầu tiên: Trung đạo, Tứ Diệu Đế, Vô Ngã Tướng (trạng thái vô ngã). Tôn giả Kiền Trần Như, rồi tiếp đến là bốn vị kia, lần lượt đều tu tập thành A-la-hán. Kiền-trần-như là đệ tử đầu tiên của Đức Phật thành La Hán.

Như đã biết ở Trúc Lâm Viên có hai tháp xây tại cổng, một có chứa di hài của Mục Kiền Liên, một trong hai đệ tử đứng hàng đầu của Phật cùng với Xá Lợi Tử (J.v.127) và một của Kiền-trần-như Kondañña (Ấn Độ: hành Hương Đất Phật 6: Trúc Lâm Viên).

Ta thường nghe nói là Đức Phật có 32 tướng tốt. Con số 32 là số Khôn tầng 5 (0, 8, 16, 24, 32). Ta thấy rõ Khôn 32 = Khôn 0 hư vô, khởi thủy của vũ trụ tạo sinh qua khoa nhiệt học là 0 độ bách phân C = 32 độ Fahrenheit F. Phật có 32 tướng Khôn-Càn, Vũ Trụ, có tướng của một đấng tạo hóa, đấng chí tôn.


-Chữ vạn (卐) trên ngực Đức Phật Thích Ca.

Đức Phật sinh ra có chữ vạn trên ngực. Đây là một trong 32 tướng tốt. Theo Phật giáo, chữ vạn **tượng trưng cho lòng từ bi, trí tuệ**, biểu thị công đức vô lượng của Phật. Ở Phật giáo mật tông Tây Tạng chữ vạn gọi là *yungdrung* biểu tượng cho *vĩnh cửu, vĩnh hằng*.

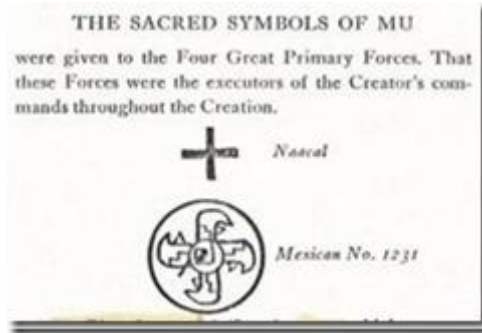
Thật ra chữ vạn là một biểu tượng hết sức cổ thấy từ thời Cổ Thạch, sau đó thấy trong mọi nền văn hóa với ý nghĩa khác nhau.

Trong nền văn minh Thung Lũng Sông Ấn Indus Valley (2.500 Trước Tây Lịch) có một nghĩa là *mặt trời*. Trong Ấn giáo là biểu tượng cho của sự *ban ơn, phù trợ* của thượng đế, trong vài giáo phái mang nghĩa *may mắn* liên hệ với thần Ganesha. Trong tôn giáo Zoroastrian của Persian, chữ vạn biểu tượng cho *mặt trời vận hành, sinh tạo, vô cực và tạo hóa khôn cùng*. Trong Đạo Đức Kinh dùng chỉ *tất cả vũ trụ, 'muôn vàn thứ'*. Trong Thiên Chúa giáo, swastika dùng như một hình thức thánh giá bẻ cong, biểu tượng cho sự chiến thắng của đấng Christ vượt qua nỗi chết (hàm nghĩa phục sinh, tái sinh).

Chữ vạn nghiêng của Đức Quốc Xã tức ở dạng chuyển động mang nhiều dương tính dùng với nghĩa biểu tượng cho sức mạnh, thống lĩnh, ngự trị, cho sự siêu đẳng của giống người da trắng, của Nazi... (Wikipedia).

Nhìn theo vũ trụ tạo sinh, vũ trụ giáo, dịch tức theo chữ viết nòng nọc vòng tròn-que. thì chữ vạn có 4 tay hình chữ gamma Γ . Chữ vạn  này có *cánh tay trên nằm ngang* có đầu chỉ về phía tay trái. Khi chuyển vận trong qui trình sinh tạo, *máu nhọn khuỷu tay quay theo chiều kim đồng hồ*, theo chiều nòng âm. Đây là chữ vạn thường thấy trong Phật giáo. Phật giáo là tôn giáo mang tính tĩnh, âm nghiêng về phía Vũ nòng, âm của vũ trụ nên phần nằm ngang của cánh tay trên chỉ về phía tay trái (cần phải phân biệt với cánh tay trên quay về bên phải của Ấn giáo và quay nghiêng chuyển động của Đức Quốc Xã).

Trong chữ viết nòng nọc vòng tròn-que chữ vạn phát gốc từ hai nọc que thẳng góc với nhau tạo thành hình chữ thập.



Chữ vạn ruột thịt với chữ thập biểu tượng cho tứ tượng vạn hành, sinh động (James Churchward, The Sacred Symbols of Mu).

Hai nọc là hai dương là lửa, thái dương, mặt trời. Đây chính là nghĩa nguyên thủy của chữ vạn. Kiểm chứng lại ta cũng thấy chữ thập có một khuôn mặt là dấu cộng (+), dấu dương (phản ứng cộng là phản ứng dương). Dương có một nghĩa là mặt trời, lửa thái dương.

Như thế trong chữ viết nòng nọc vòng tròn-que chữ vạn gồm có 4 tay thẳng góc do hai nọc que ghép lại mang ý nghĩa nọc lửa thái dương, mặt trời tứ phương ở tầng tứ tượng hay Bốn Nguyên Sinh Động Lực Chính (Four Great Primary Forces) ở dạng vạn hành, chuyển động, sinh động tức tứ hành của ngành nọc lửa dương.



Chữ thập + chuyển động theo chiều kim đồng hồ, chiều âm sinh ra chữ vạn.

Tứ hành âm và dương liên tác sinh ra vũ trụ, tam thế muôn loài, muôn sinh trong vũ trụ tạo sinh. Vì thế trong vũ trụ giáo chữ vạn bao gồm tất cả các ý nghĩa sinh tạo, tạo hóa, mặt trời, không gian sinh tạo, sinh tử, tái sinh, hằng cửu, phồn thịnh, may mắn... Như đã thấy ở trên, mỗi nền văn hóa, văn minh thế giới lấy một ý nghĩa của chữ vạn theo một góc cạnh của vũ trụ giáo.

Theo vũ trụ giáo chữ vạn trên ngực Đức Phật lúc sinh ra có một nghĩa là vũ trụ tạo sinh, vũ trụ, mặt trời diễn đạt cốt Phật.

+ Ảnh tượng

-Hào quang

Phật Đản Sinh có vòng hào quang được diễn đạt theo nhiều cách tùy theo tính nóng nọc (âm dương), Càn Khôn, tùy theo dịch học, tức tùy theo giáo phái Phật giáo.

.Hào quang sau đầu trông giống hình bánh xe pháp có 8 'cằm' xe thường giảng là biểu tượng của Bát Chánh Đạo.



Phật Đản Sinh (ảnh của tác giả).

Thật ra ở đây vì Phật mới sinh nên chưa có Bát Chánh Đạo, phải nhìn theo vũ trụ giáo là hình mặt trời có 8 tia sáng nằm trong vòng tròn không gian diễn đạt mặt trời Càn Khôn, Vũ Trụ, Tạo Hóa [giống mặt trời-không gian ở tâm trống Quảng Xương, trống biểu của Hùng Lang gồm hai ngành Hồng Lạc, Chim-Rắn, Tiên Rồng Việt Nam (xem trống này)]. Đức Phật từ cõi trời, vũ trụ giáng thế [như đã biết Phật Thích Ca có cốt là Phật Vũ Trụ. Ngài vốn đã là một vị Phật cai trị tại vùng Đâu Suất (Tausita). Ngài giao quyền lại cho Ngài Di Lạc (Maitreya) trị vì vùng trời Đâu Suất xuống thế gian làm người, rồi tu luyện trở thành Phật thế gian, lịch sử, hiện tại, một vị Phật Người (Nhân Phật Manushi)]. Như thế Phật Thích Ca có hai khuôn mặt: ở cõi trên là Phật Vũ Trụ, hậu thân của Phật Vũ Trụ Đại Nhật Quang Vairocana. Ở thế gian là Phật Người, Phật Thế Gian, Phật Lịch Sử, Phật Hiện Tại.

Vành hào quang sau đầu phải hiểu là mặt trời tạo hóa nằm trong không gian tức mặt trời Càn Khôn, Vũ Trụ, Tạo Hóa. Phật Thích Ca từ vũ trụ giáng thế có cốt là Phật vũ trụ.

-Hào quang hình mặt trời.

Nhìn theo duy dương ngành mặt trời thái dương, Phật Đản Sinh có một khuôn mặt là mặt trời.



Phật Đản Sinh có hào quang hình mặt trời (phong bì tem Nepal) (Envelope from Lumbini, 29 July, 1970, courtesy United Nations Archives).

Lưu ý hào quang mặt trời có hai loại tia sáng: tia dài mang dương tính thái dương và tia ngắn mang âm tính thái dương ngành thái dương nghĩa là một thứ mặt trời lưỡng tính phái mang tính vũ trụ, Càn Khôn ngành mặt trời thái dương.

DNA mặt trời này truyền từ Phật Vũ Trụ Vairocana có một khuôn mặt là Phật Nhật Quang sinh ra từ ánh sáng mặt trời xuống Phật Thích Ca (Vairocana có một nghĩa là 'sinh ra từ ánh sáng mặt trời').

-Một tay chỉ lên trời, một tay chỉ xuống đất.

Thường thường Phật Đản Sinh dùng một ngón tay trở phải chỉ lên trời và ngón tay trở trái chỉ xuống đất. Một ngón là số 1 nhìn chung là nhất thể vũ trụ. Một ngón là nhất thể là vũ trụ thấy rõ qua từ Universe (vũ trụ) có Uni- là một, nhất thể và -verse là qui về. Universe là qui về Nhất thể.

Còn nhìn theo lưỡng cực thì số 1 là mặt trời. Bốn ngón tay còn lại là đất (số 4 là Cấn, Đất âm) mang nghĩa Trời dương đất âm. Còn nhìn theo một ngón thẳng đứng là nọc, dương, mặt trời và bốn ngón nắm lại thành bao, túi là nòng, âm, không gian tức nòng nọc (âm dương), mặt trời-không gian tức vũ trụ.

Phật có cốt đại vũ trụ và tiểu vũ trụ.

Tuy nhiên tôi thấy có lẽ chỉ riêng ở Việt Nam có một dạng Phật Đản Sinh khác thường.

Một lần một người bán đồ cổ nói với tôi là ông ta muốn đưa cho tôi xem một bức tượng Phật Đản Sinh rất cổ có gốc từ Việt Nam.

Khi nhìn thấy pho tượng, trong nháy mắt, tôi biết ngay ông ta nói đúng, pho tượng có gốc từ Việt Nam. Pho tượng làm theo phong cách tượng gỗ sơn son thếp vàng Việt Nam.



Kỷ vật Phật Đản Sinh của tác giả.

Phía trước mặt tượng, lớp thếp vàng đã bị phai mờ vì bị khói nhang, đèn nến. Nhưng mặt sau tượng, lớp thếp vàng còn thấy rất rõ.



Tượng làm theo hình ảnh đặc thù một em bé Việt Nam. Đầu tròn, mặt trái xoan, tai to, ở trần, bụng hơi phình, mặc quần đùi trang trí cánh hoa sen, thắt dây lưng như dải rút.

Điểm lôi cuốn tôi nhất là tượng rất khác thường, không giống một tượng Phật Đản Sinh nào mà tôi thường thấy.

Tay trái tượng chỉ lên trời trong khi ở các tượng thường thấy, *tay phải* của Phật chỉ lên trời. Phật Đản Sinh Việt Nam này thuận tay trái.



Tay trái dùng ba *ngón tay* (*ngón cái, trỏ và giữa*) chỉ lên trời thay vì ở các tượng khác tay phải chỉ dùng một ngón trỏ chỉ lên trời.

Thoạt đầu tôi tưởng những khác thường này có thể đúng như người bán là tượng có thể là rất cổ, lúc Phật giáo mới du nhập vào Việt Nam nên nhà chùa và người tạc tượng chưa rành rõ về truyền thuyết Phật hay có thể chỉ là lỗi kỹ thuật của người tạc tượng không rành truyền thuyết Phật.

Tuy nhiên mới đây khi vào thăm Bảo Tàng Viện Lịch Sử Thành Phố Hồ Chí Minh tôi gặp lại pho tượng Phật Đản Sinh đặc biệt này:



Phật Thích Ca sơ sinh, gỗ sơn thếp vàng, thế kỷ 19, Việt Nam chụp tại Bảo Tàng Viện Lịch Sử T.P. HCM (ảnh của tác giả).

Pho tượng này cũng thuận tay trái và cũng dùng ba ngón tay chỉ lên trời và chỉ đũa thay vì chỉ dùng một ngón trỏ.

Như thế đây là một dạng thể Phật Đản Sinh đặc thù của Việt Nam. Ta có thể hiểu là theo dịch học số 3 là tam thiên: ba ngón chỉ lên trời diễn đạt cõi Trời. Còn số 2 là lưỡng địa: hai ngón giữa và út chỉ đất diễn đạt cõi đất.

Phật thuận tay trái đúng hơn dùng tay phải chỉ lên trời vì như đã biết Phật giáo mang tính Tĩnh, âm.

Cũng nên nói thêm là chúng ta nghe nói là Đức Phật đi bảy bước, một tay chỉ lên trời, một tay chỉ xuống đất và nói “*Thiên Thượng Thiên Hạ Duy Ngã Độc Tôn*”. Trời Trên, Trời Dưới chỉ có Ta (ngã) là duy Nhất. Có người không thích Phật cho rằng Phật kiêu căng mới nói như thế. Sự thật Phật không bao giờ kiêu ngạo, Ngài không bao giờ nghĩ mình là nhất, là thánh thần, là thượng đế hay đáng tạo hóa mà Ngài coi mình như mọi người: “*Ta là người đã thành Phật và các người là Phật sẽ thành*”. Đây có thể là câu nói của người nào đó quá tôn sùng hoặc muốn thần thánh hóa Phật hoặc diễn dịch sai đã gán cho Phật.

Với loại tượng Phật Đản Sinh Việt Nam đưa 3 ngón tay lên trời ‘tam thiên’ xác thực hùng hồn ở loại tượng mà Phật Đản Sinh đưa một ngón tay lên trời, như đã nói ở trên là Trời dương đất âm hay nhất thể mặt trời-không gian tức vũ trụ. Tuyệt nhiên không phải Đức Phật có ý nói mình là ‘duy ngã chỉ có ta’ mà hoàn toàn là bị gán ghép. Một trong những giáo pháp chính của Ngài là Vô Ngã chứ không phải là Duy Ngã!

....

Ở tượng này ta cũng thấy Phật đứng trong một tòa hình bầu bình, một biến dạng của bầu nậm nòng nọc (âm dương), nguyên lý căn bản của vũ trụ tạo sinh, dịch học. Cổ bình hình nọc dương dạng hoa mặt trời và phần bầu bình nòng âm không gian bao phủ đầy mây cũng cho thấy Phật Đản Sinh có cốt vũ trụ.

-Phật đứng trên tòa sen.

Tòa sen có trụ mang hình ảnh trực thể giới. Tòa sen cũng có một khuôn mặt diễn đạt mỗi cánh hoa là một thể giới. Tòa sen diễn đạt hằng hà sa số vũ trụ, thể giới... Như thế tòa sen cũng xác thực Phật Đản Sinh có cốt vũ trụ.

-Đế Tượng

Đế tượng Phật thường diễn đạt phần chỏm núi vũ trụ Meru. Ở đây có hình biến dạng của một chiếc trống đồng Đông Sơn. Như đã biết trống Đông Sơn là trống biểu của vũ trụ tạo sinh, vũ trụ giáo. Như vậy đế tượng cũng diễn đạt tính vũ trụ của Đức Phật Đản Sinh.

....

* Thứ đến đây là bằng chứng xác thực Đức Phật Thích Ca là một con người có thật – được sinh ra như bao người bình thường khác, nhưng tu đắc đạo thành Phật. Xác thực Đức Phật Thích Ca có cốt là Phật Vũ Trụ giáng thế xuống làm người thế gian rồi thành Phật thế gian, Phật Người (Manushi), Phật hiện tại dẫn dắt loài người qua bể khổ.

-Ngày Lễ Phật Đản Sinh.

Phật sinh ra vào ngày rằm tháng tư năm 623 Trước Dương Lịch.

Trước đây Phật giáo chọn ngày 8 tháng 4 âm lịch làm ngày Phật đản, gần đây Phật giáo thế giới đổi qua ngày 15 tháng 4 và gọi là ngày Vesak. Dĩ nhiên cũng giống như ngày Chúa Giáng Sinh, ngày Phật đản không thật sự là ngày đích thực Phật ra đời (bằng chứng là đã đổi từ ngày này sang ngày khác được). Vì thế *tháng tư âm lịch* được cho là *mùa Phật đản*, các chùa có thể chọn các ngày khác nhau trong tháng tư làm ngày Phật đản.

Hiển nhiên ngày 8 tháng 4 nguyên thủy phải mang một ý nghĩa gì liên hệ với Phật. Ngày này phải hiểu theo ý nghĩa tín ngưỡng, tôn giáo. Con số 8 và 4 phải hiểu theo tín ngưỡng thờ phượng giống như các con số ngày tháng giỗ kỵ của Hùng Vương, Thánh Dóng Phù Đổng Thiên Vương, Hai Bà Trưng... (xem các bài viết này). Các con số này phải hiểu theo vũ trụ thuyết dựa trên nguyên lý nóng nọc (âm dương) của dịch học.

1. Con số 8.

Theo dịch số 8 là số Khôn tầng 2 thế gian (0, 8). Khôn lưỡng hợp với Càn: Càn Khôn là Vũ Trụ.

2. Con số 4.

Theo dịch học, số 4 là số Càn tầng 1 cõi tạo hóa. Theo Tiên Thiên Bát Quái Cấn lưỡng hợp với Đoài khí vũ trụ, theo Hậu Thiên Bát Quái Cấn lưỡng hợp với Khôn.

Như thế ta có ngày 8 là ngày Khôn-Càn, vũ trụ và tháng 4 là tháng Cấn-Khôn, Đất-Trời. Như vậy ngày Phật đản có một nghĩa bao gồm cả đại và tiểu vũ trụ.

.Ngày Phật giáo thế giới Vesak.

Như đã nói ở trên ngày Phật đản thay đổi tùy theo vùng, quốc gia, tông phái. Ngày 8 tháng 4 được Phật giáo Đại thừa (theo âm lịch Trung Hoa) dùng nhiều, còn phái Nguyên Thủy ngày Phật đản được tổ chức vào ngày trăng tròn của tháng Vaisakha của Phật lịch và lịch Hindu, thường rơi vào tháng 4 hoặc tháng 5 của dương lịch Thiên Chúa giáo Gregory phương Tây.

Đại hội Phật giáo thế giới chọn ngày 15 tháng 4 làm ngày Vesak. Như thế nhìn theo dịch học ngày 15 tháng 4 có nghĩa không thay đổi với ngày 8 tháng 4, chỉ khác nhau về tính nóng nọc (âm dương). Con số 15 là số lẻ, số dương, là số Càn tầng 2 thế gian (7, 15). Càn hôn phối với Khôn. Trong khi như đã biết số 8 là số Khôn tầng 2 thế gian (0, 8) hôn phối với Càn. Như thế 15 và 8 chỉ ngược nhau về tính nóng nọc (âm dương). Chọn số dương ngày 15 Càn và tháng 4 mang tính Khôn là chọn theo duy dương của xã hội phụ quyền ngự trị ngày nay. Còn ngày 8 tháng 4 nguyên thủy gồm hai số chẵn mang tính thuần âm là chọn theo tính Tĩnh, âm của Phật giáo. Tuy nhiên ý nghĩa nhìn chung không thay đổi.

Không còn gì để nói nữa qua ngày 8 tháng 4 hay 15 tháng 4 ta thấy rõ Phật là Vũ Trụ bao trùm cả Đại Vũ Trụ và Tiểu Vũ Trụ, Phật giáo là tôn giáo của vũ trụ và loài người.

-Trụ Ashoka

Bên cạnh Đền Mayadevi có trụ đá lịch sử của vua Ashoka.

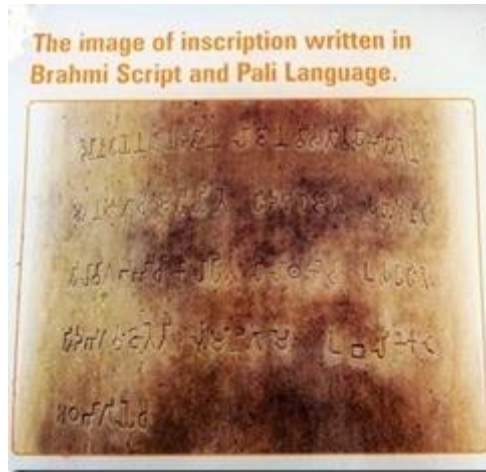


Trụ Ashoka.



Đầu trụ bị gãy để dưới chân trụ (ảnh của Michelle Nguyễn).

Như đã nói ở trên Trụ Ashoka được dựng ở đây vào năm 249 Trước Dương Lịch là một bằng chứng khảo cổ học vững chắc nhất hỗ trợ cho việc nhận diện chỗ ra đời của Đức Phật Thích Ca vì có khắc các dòng chữ Brahmi: “... đây là nơi *Buddha Śākyas (Śākyamuni) sinh ra*”.



Tiến sĩ Fuhrer khám phá ra cây trụ năm 1896 lúc đó các dòng chữ bị chôn vùi dưới mặt đất khoảng 1 m.

Thầy Huyền Trang cũng ghi lại đã nhìn thấy một trụ đá của vua Ashoka nhưng bị gãy đổ hoàn toàn, trên thân trụ có năm dòng chữ được khắc ghi (như trên).

Như đã nói ở trên vào thế Kỷ Thứ 14 Sau Dương Lịch, Vua nước Jumla là Ripu Malla, một vị vua Ấn giáo, thuộc miền Tây Nepal – cũng đến đây thăm viếng. Vua cho khắc lên phần trên của Trụ Ashoka dòng chữ “*Om Mani Padme Hum*” (Úm ma ni bát mê hồng, “ngọc quý trong hoa sen”) cùng với tên ông để tỏ lòng tôn kính nơi đức Phật ra đời.

-Hồ Nước Thiêng.



Hồ thiêng liêng Pushkarani (ảnh của tác giả).

Bên cạnh Đền Maya Devi là hồ thiêng liêng, nơi Hoàng hậu Maya tắm trước khi sinh thái tử và cũng là nơi thái tử được tắm lúc ra đời.

Như đã biết nguyên thủy chỉ là một cái ao đất ngày nay xây có cấp bậc.

-Phế Tích Tu Viện



(ảnh của tác giả).

Bên cạnh hồ Pushkarani có những nền móng gạch đỏ xác nhận hình thành từ thế kỷ thứ 3 hoặc thứ 4 Trước Dương Lịch. Đây là vết tích còn lại phía bên ngoài của Tu viện Lâm Tỳ Ni mà phần chính đã được phần đền mái bằng bao che.

Cạnh đó là các tháp tạ ơn nhỏ (votive stupas)

-Cây Bồ Đề

Cây sala hay cây vô ưu ngày nay không còn nữa (đáng lẽ phải trồng lại một cây mới). Thay cho cây này ngày nay là cây Bồ-đề với một điện nhỏ thờ Phật.



(ảnh của tác giả).

B. VÙNG TU VIỆN.

Đã nói ở trên. Cần phải có nhiều thì giờ và đi bộ nhiều.

Nếu muốn thăm viếng kiểu ‘cưỡi ngựa xem hoa’ có thể dùng thuyền đi dọc theo con kênh.

C. TRUNG TÂM VĂN HÓA và LÀNG LUMBINI MỚI.

Đã nói ở trên. Cần phải có nhiều thì giờ và đi bộ nhiều.

Kết Luận

Lumbini, ngôi vườn xinh đẹp như cõi thần tiên nơi Đại Thần Nữ Maya sinh ra Đức Phật Thích Ca, một trong bốn linh địa Phật tích được xác thực bằng những khảo cổ học kiên cố, vững chắc nhất.

Nơi đây xác quyết Đức Phật Thích Ca là một con người có thật được sinh ra như bao người bình thường khác.

Xác thực Đức Phật Thích Ca có cốt là Phật Vũ Trụ, đội lốt Phật Vũ Trụ Nhật Quang Vairocana (sinh ra từ ánh sáng mặt trời), giáng thế xuống làm người thế gian rồi thành Phật thế gian, Phật Người (Manushi) cứu giúp loài người giác ngộ, diệt khổ.

Tất cả các chi tiết từ truyền thuyết, ảnh tượng, từ thể xác tới tâm linh, trang sức, ngày sinh... đều diễn đạt tính đại và tiểu vũ trụ của Đức Phật.

Phật Thích Ca là Phật Đại Vũ Trụ và Tiểu Vũ Trụ. Phật giáo là một thứ tôn giáo vũ trụ. Giáo Pháp Phật là Pháp Vũ Trụ. Luật Phật là luật Vũ Trụ. Phật giáo liên hệ mật thiết với vũ trụ giáo, dịch học...

(còn nữa).

Số tới: 11. Thành Xá Vệ (Shravasti).

BS Nguyễn Xuân Quang

Nguồn: <https://bacsinguyenxuanquang.wordpress.com/2023/07/14/hnh-huong-dat-phat-10-lumbini-vuon-lm-ty-ni/>

www.vietnamvanhien.org

